

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104/2022/DS-ST**

Ngày: 16 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Việt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 180/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:* Vào năm 2019, bà T có tham gia 05 dây hội do bà L làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây 1: Hội tháng 1.000.000đồng, 01 tháng khai một lần, mở ngày 06/5/2019 âm lịch, mãn ngày 06/12/2021 âm lịch, có 31 người tham gia, bà T tham gia 01 phần (để tên HB), bà T đã đóng hội sống được 30 lần, nếu tính đến bà T hốt hội chót được số tiền là 29.500.000đồng nhưng bà L không giao tiền hội cho bà T mặc dù hội viên đã đóng đủ tiền cho bà L. Dây hội này bà T yêu cầu bà L phải trả lại cho bà T số tiền là 29.500.000đồng.

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, mở ngày 06/5/2019 âm lịch, mần ngày 06/12/2021 âm lịch, có 31 người tham gia, bà T tham gia 02 phần (để tên HB và H) bà T đã đóng hụi sống được 29 lần, nếu tính đến bà T hốt hụi chót phần tên H được số tiền là 28.500.000đồng và phần tên HB được số tiền là 29.500.000đồng nhưng bà L không giao tiền hụi cho bà T mặc dù hụi viên đã đóng đủ tiền cho bà L. Dây hụi này bà T yêu cầu bà L phải trả lại cho bà T 2 phần số tiền là 58.000.000đồng.

Dây 3: Hụi tháng 1.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, mở ngày 10/9/2019 âm lịch, mần ngày 10/12/2021 âm lịch, có 27 người tham gia, bà T tham gia 01 phần (để tên HB), bà T đã đóng hụi sống được 26 lần, nếu tính đến bà T hốt hụi chót được số tiền là 25.500.000đồng nhưng bà L không giao tiền hụi cho bà T mặc dù hụi viên đã đóng đủ tiền cho bà L. Dây hụi này bà T yêu cầu bà L phải trả lại cho bà T số tiền là 25.500.000đồng.

Dây 4: Hụi tháng 1.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, mở ngày 10/9/2019 âm lịch, mần ngày 10/12/2021 âm lịch, có 27 người tham gia, bà T tham gia 01 phần (để tên H), bà T đã đóng hụi sống được 26 lần, nếu tính đến bà T hốt hụi chót được số tiền là 25.500.000đồng nhưng bà L không giao tiền hụi cho bà T mặc dù hụi viên đã đóng đủ tiền cho bà L. Dây hụi này bà T yêu cầu bà L phải trả lại cho bà T số tiền là 25.500.000đồng.

Dây 5: Hụi tháng 1.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, mở ngày 10/9/2019 âm lịch, mần ngày 10/12/2021 âm lịch, có 27 người tham gia, bà T tham gia 01 phần (để tên HB), bà T đã đóng hụi sống được 26 lần, nếu tính đến bà T hốt hụi chót được số tiền là 25.500.000đồng nhưng bà L không giao tiền hụi cho bà T mặc dù hụi viên đã đóng đủ tiền cho bà L. Dây hụi này bà T yêu cầu bà L phải trả lại cho bà T số tiền là 25.500.000đồng.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà T số tiền hụi còn nợ là 164.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do bận nhiều công việc và ở xa không có thời gian đến tham dự phiên tòa, nên bà T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan bà T vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà T số tiền hụi 164.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà T không yêu cầu giải quyết về vấn đề gì khác. Bà T cam kết không khiếu nại gì về sau.

\* *Bị đơn bà L:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, giải quyết buộc bà L trả cho bà T số tiền hui còn nợ là 164.000.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà T số tiền hui còn nợ là 164.000.000đồng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hui là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà L có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về số tiền nợ hui: Bà T cho rằng bà T có tham gia chơi hui do bà L làm chủ hui, gồm: **1.** Dây hui tháng 1.000.000đồng (01 tháng khai một lần), mở ngày 06/5/2019 âm lịch, mãn ngày 06/12/2021 âm lịch, có 31 phần, bà T tham gia 01 phần (trong danh sách hui để tên “HB”), đóng hui sống được 30 lần, nếu tính đến bà T hốt hui chót được số tiền là 29.500.000đồng; **2.** Dây hui tháng 1.000.000đồng (01 tháng khai một lần), mở ngày 06/5/2019 âm lịch, mãn ngày 06/12/2021 âm lịch, có 31 phần, bà T tham gia 02 phần (trong danh sách hui để tên “HB” và “H”), đóng hui sống được 29 lần, nếu tính đến bà T hốt hui chót phần tên H được số tiền là 28.500.000đồng và phần tên HB được số tiền là 29.500.000đồng, tổng cộng là 58.000.000đồng; **3.** Dây hui tháng 1.000.000đồng (01 tháng khai một lần), mở ngày 10/9/2019 âm lịch, mãn ngày 10/12/2021 âm lịch, có 27 phần, bà T tham gia 01 phần (trong danh sách hui để tên “HB”), đóng hui sống được 26 lần, nếu tính đến bà T hốt hui chót được số tiền là 25.500.000đồng; **4.** Dây hui tháng 1.000.000đồng (01 tháng khai một lần), mở ngày 10/9/2019 âm lịch, mãn ngày 10/12/2021 âm lịch, có 27 phần, bà T tham gia 01 phần (trong danh sách hui để tên “H”), đóng hui sống được 26 lần, nếu tính đến bà T hốt hui chót được số tiền là 25.500.000đồng; **5.** Dây hui tháng 1.000.000đồng (01 tháng khai một lần), mở ngày 10/9/2019 âm lịch, mãn ngày 10/12/2021 âm lịch, có 27 phần, bà T tham gia

01 phần (trong danh sách hội đề tên “HB”), đóng hội sống được 26 lần, nếu tính đến bà T hót hội chót được số tiền là 25.500.000đồng; tổng cộng 05 dây hội là 29.500.000đồng + 58.000.000đồng + 25.500.000đồng + 25.500.000đồng + 25.500.000đồng = 164.000.000đồng. Tuy nhiên, mặc dù các hội viên khác đã đóng đủ tiền hội cho bà L nhưng bà L không giao tiền hội cho bà T hót, nên nay bà T yêu cầu bà L trả cho bà T số tiền này.

[5] Xét thấy, lời trình bày của bà T là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với xác nhận của ông N là đại diện Ban nhân dân ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và các ông, bà N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10, N11, N12 là các hội viên có tham gia chơi 05 dây hội tháng nêu trên tại các Biên bản xác minh các ngày 31/5/2022 và 12/8/2022 (Bút lục số 70 - 73). Theo đó, ông N xác nhận bà L hiện nay có thiếu nợ nhiều người tại địa phương và có một số người đã kiện bà L ra Tòa án về việc tranh chấp nợ hội; việc bà L làm chủ hội, tổ chức chơi hội công khai tại địa phương, có nhiều người tham gia, khui hót hội ngay tại nhà bà L; bà L hiện đã bỏ địa phương đi, đi đâu thì không rõ do bà L không có thông báo cho địa phương nắm, lý do là muốn lánh mặt các chủ nợ. Còn các ông, bà N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10, N11, N12 xác nhận các ông, bà có tham gia chơi 05 dây hội tháng do bà L làm chủ hội nêu trên; bà T có tham gia chơi tất cả 05 dây hội nêu trên với 06 phần hội, trong danh sách hội đề tên “HB” và “H”, bà T đều đã đóng hội sống cho bà L đầy đủ vì bà T là người được hót hội chót, số tiền hội sống mà bà T đã đóng thực tế cho bà L là bao nhiêu thì không rõ, nhưng bà L không giao tiền hội cho bà T hót mà bỏ đi khỏi địa phương, hiện nay 05 dây hội nêu trên đều đã mãn; ngoài việc nợ tiền hội bà T đối với 05 dây hội nêu trên thì bà L còn nợ rất nhiều người khác ở địa phương đối với các dây hội khác, gồm có cả hội tháng lẫn hội mùa; việc bà L làm chủ hội, tổ chức chơi hội, khui hót hội... diễn ra công khai tại địa phương ấp A trong một thời gian dài; hiện nay, bà L đã bỏ đi khỏi địa phương để trốn nợ các hội viên, đi đâu thì không rõ. Các ông, bà nêu trên đều không có bà con, thân thích với bà T và cũng không có mâu thuẫn, xích mích với bà L nên lời xác nhận của họ là trung thực, đảm bảo tính khách quan để làm chứng cứ trong vụ án này, là căn cứ xác định lời trình bày của bà T là đúng sự thật.

[6] Về phía bà L, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L cố tình vắng mặt tại địa phương mà không thông báo địa chỉ mới nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với bà T cũng như các hội viên khác có tham gia các dây hội mà bà L làm chủ hội, nên được coi là bà L đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình trong vụ án này.

[7] Từ những tình tiết nêu trên có căn cứ xác định việc bà L làm chủ hội, tổ chức việc chơi 05 dây hội tháng nêu trên có sự tham gia của bà T nhưng bà L không giao tiền hội cho bà T hót mặc dù các dây hội này đã mãn và bà L đã nhận tiền góp hội của các hội viên khác, là đã có lỗi trong việc vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận góp hội, chính sự vi phạm nghĩa vụ của bà L đã trực tiếp gây thiệt hại đến quyền lợi của bà T, nên bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hội còn nợ là 164.000.000đồng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

[8] Về vấn đề tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền nợ hui là 164.000.000đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hui còn nợ là 164.000.000đồng.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà L phải chịu án phí sơ thẩm là  $164.000.000\text{đồng} \times 5\% = 8.200.000\text{đồng}$  tương ứng trên số tiền hui còn nợ bị Tòa án buộc trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà L trả số tiền hui còn nợ.

Buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hui còn nợ là 164.000.000đồng (*Một trăm sáu mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

#### **2. Về án phí sơ thẩm:**

- Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp là 4.100.000đồng (*Bốn triệu một trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003832, ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.



- Bà L phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 8.200.000đồng (*Tám triệu hai trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSYVA, Văn phòng (02).

**Nguyễn Quốc Việt**